TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: **22**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/6/2019
V/v: "Ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG -TỈNH BÌNH THUẬN

-Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lý Văn Lấy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Minh

2. Bà Thái Thị Dung

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Lư Ngọc Quí - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên toà: Bà Bích Thị Kim Pháp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 136/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc: *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2019/ QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn**:** Ông Hồ Chí C, sinh năm 1981; Nơi đăng HKTT: số 256, thôn 2, xã P, huyện T, tỉnh Th; Chổ ở hiện nay: Khu phố 5, phường M, thành phố Ph, tỉnh H; Có mặt

2. Bị đơn**:** Bà Đỗ Thị Minh N, sinh năm 1978; Địa chỉ: số 256, thôn 2, xã P, huyện T, tỉnh H; Vắng mặt

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ H – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh H (Bà H có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2019, bản tự khai và tại phiên tòa ông Hồ Chí C trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Đỗ Thị Minh N tự nguyên xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2002, không đăng ký kết hôn, đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chí Công, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Trong quá trình chung sống, do ông thường xuyên đi đánh bắt xa bờ, còn bà N ở nhà làm thuê và tự làm nợ rồi bỏ nhà đi. Ông đã nhiều lần can thiệp nhưng bà N không nghe, sau một

thời gian bà N trở về sống chung và tiếp tục làm nợ rồi bỏ chồng đi không rõ lý do và đã ly thân nhau hơn 01 năm nay. Ông cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông tha thiết xin được ly hôn với bà N.

Về con chung: Có 02 đứa con chung Hồ Chí Q, sinh năm 2002 và Hồ Thị Xuân H, sinh năm 2007. Do hiện các con đang ở với bà N nên ông đồng ý giao con chung cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng. Ông sẽ cấp dưỡng cho 02 đứa con 2.000.000đ/tháng đến khi các con trưởng thành.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm.

Về phía bị đơn bà Đỗ Thị Minh N: Do bà N không có mặt tại địa phương nên Tòa án không ghi được lời khai của bà.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu:

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: xác định mối quan hệ pháp luật cần giải quyết, thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Chí C.

Về hôn nhân: Ông Hồ Chí C được ly hôn với bà Đỗ Thị Minh N.

Về con chung: Giao con chung Hồ Chí Q, sinh năm 2002 và Hồ Thị Xuân H, sinh năm 2007 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Ông C cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

Về án phí: Ông Hồ Chí C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, bị đơn bà Đỗ Thị Minh N có nơi cư trú tại thôn Hà Thủy 2, xã P, huyện T, tỉnh H. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Chí C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Do bà N không có mặt tại địa phương nên Tòa án không thực hiện việc tống đạt các thủ tục tố tụng cho bà N và đã tiến hành niêm yết công

khai, đây thuộc trường hợp bị đơn thay đổi nơi cư trú không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú, nhằm che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu của ông Hồ Chí C, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân giữa ông C và bà N được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn số 205/2007, quyển số 24/2007 ngày 31/10/2007 tại UBND xã Chí Công. Vì vậy, áp dụng luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về hôn nhân: Hôn nhân của ông Hồ Chí C và bà Đỗ Thị Minh N thực sự đã mâu thuẫn trong thời gian dài, nguyên nhân là do bà N thường xuyên làm nợ, nhiều lần ông C có khuyên ngăn bà N không nghe nên sự việc cứ tiếp diễn mãi, rồi sau đó bà N tự bỏ đi, không tâm đến gì chồng, hai bên không tự giải quyết được, sau khi bà N bỏ đi thì ông C có thông tin sự việc ông C làm đơn ly hôn với bà N, bà N biết nhưng không chịu về nên ông C vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N. Xét thấy, từ hơn 01 năm nay ông C và bà N đã không còn sống chung với nhau và đã ly thân nhau một thời gian dài, ông C và N không ai quan tâm đến ai, ông C cương quyết ly hôn không đồng ý trở về đoàn tụ gia đình, còn bà N thì bỏ mặc để cho ông C tự giải quyết, chứng tỏ tình nghĩa vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông C đối với bà N.

Về con chung: Tại phiên tòa ông C xin giao 02 đứa con chung cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục, vì hiện nay 02 đứa con vẫn còn ở với bà N. Xét thấy, mặc dù không ghi được nguyện vọng của các con nhưng thực tế bà N đang nuôi các con bình thường, nghĩ nên tiếp tục tạm giao các con cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là hợp lý. Nếu sau này bà N không có điều kiện nuôi con thì bà N được quyền làm đơn yêu cầu thay đổi nuôi con bằng một vụ án khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông C sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho bà N là 2.000.000đ/tháng đến khi các con trưởng thành, đây là sự tự nguyện của ông C nên ghi nhận.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 177, Điều 179 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Hồ Chí C đối với bà Đỗ Thị Minh N. Ông C được ly hôn với bà N.

- Về nuôi con chung: Giao con chung Hồ Chí Q, sinh ngày 27/7/2002 và Hồ Thị Xuân H, sinh ngày 10/4/2007 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà N **2.000.000đ**/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Bà N không được ngăn cản ông C trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung.

Về án phí: Ông Hồ Chí C phải nộp **300.000đ** (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con. Ông C đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0025962, ngày 20/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong. Ông C tiếp tục nộp **300.000đ** (Ba trăm ngàn đồng) án phí.

[3] Quyền kháng cáo của ông Hồ Chí C là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/6/2019), đối với bà Đỗ Thị Minh N vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND (Tỉnh - Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND xã (thị trấn);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lý Văn Lấy